

INTAKE FORM
MẪU ĐƠN VỀ LÝ LỊCH

ODP.

APPLICANT FOR ORDERLY DEPARTURE PROGRAM:

NAME (TÊN) : HỒ TÂN DU
Last (Tên Họ) Middle (Giữa) First (Tên)
DATE, PLACE OF BIRTH : 01 20 1940
(NĂM, NƠI SINH ĐẸ) Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)
SEX (NAM hay NỮ) : Male (Nam) : M Female (Nữ):
MARITAL STATUS : Single (Độc thân): Married (có lập gia đình)
(Tình trạng gia đình):
ADDRESS IN VIETNAM : 185/5B đường 3-2 Phường 14 Quận 10
(Địa chỉ tại VN) : Hồ Chí Minh City Vietnam
POLITICAL PRISONER (Có là tù binh tại VN hay không): Yes (Có) ☒ No (Không)
: If yes (Nếu Có): From (Từ): To (Đến):
PLACE OF RE-EDUCATION: From June 16 1975 to September 28 1982
CAMP (TRẠI TÙ) Hà Nam Ninh reeducation camp
PROFESSION (Nghề Nghiệp): old Lieutenant Colonel
EDUCATION IN U.S. :
(DU HỌC TẠI MỸ)
VN ARMY (Quân đội VN): Rank (Cấp Bậc): Lieutenant Colonel
VN GOVERNMENT : Position (Chức Vụ): Lieutenant Colonel Date (Năm)
(Trong chính phủ VN)
APPLICATION FOR O.D.P.: Yes (Có): IV Number (số hồ sơ): 117421 No (Không)
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING: (Số người đi theo):
MAILING ADDRESS IN VN: 185/5B 3-2 street, Ho Chi Minh City Vietnam
(Địa chỉ liên lạc tại VN)
NAME ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE : DOAN TRAN
Tên, Địa chỉ Thân nhân :
hay Người Bảo Trò)
U.S. CITIZEN : (Có quốc tịch Hoa Kỳ): ☒ No (Không):
RELATIONSHIP WITH PRISONER: (Liên hệ với người ở VN): Cousin
NAME AND SIGNATURE : DOAN TRAN
ADDRESS OF INFORMANT
Tên, Địa chỉ, Chữ Ký, BT
(qua người điền đơn này)
DATE : 01.02.85

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA): HO TANG DU
(Listed on Page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO P.A.
NGUYEN THI NGOC	4 14 1942	wife
HO TANG NGUYEN	7 20 1966	son
HO TANG MUT	12 10 1967	son
HO TANG KHAI	3 4 1969	son
HO TANG KHA	3 25 1971	son
HO TANG QUOC THAI	9 14 1972	son
HO TANG PHUOC DUNG	10 24 1974	son

ADDITIONAL INFORMATION:

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION
5555 Columbia Pike, Suite D, Arlington, VA 22204

As of: _____

LIST OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS

Prisoner's name, : Former : Currently: Former : Date of Application : Name, address, and Tel. number
date of birth and address: rank/position: detained : Prisoner : For Orderly Departures : of Relative in the U.S.
: : in prison: in Vietnam: (IV number, if any) :
: Yes : ☒ No : ☒ Yes : No :
: : How long :

HỒ TĂNG DŨ Oct 20. 1940.	Lieutenant Colonel Serial n°: 60/202.393		7 years 4 months	not	DOAN TRAN

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2565 ngày 21 tháng 11 năm 1972

Trại : Hải Phòng

Số 180 GI

010177810721

SMSLB

Số 555/HC
SAO Y BẢN CHÁNH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 9 năm 1982
HƯỚNG DẪN 10 QUẬN 10

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ

Thi hành án văn, quyết định tha số 170

của Bộ Nội Vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh : Hồ Tăng

Họ, tên thường gọi

Họ, tên bí danh

Sinh ngày tháng năm 1932

Nơi sinh phủ vãng thị trấn

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

185/5B đường 3-2 quận 10 TP Hồ Chí Minh

Cán tội Truộm tài sản công nhân 3 biệt động quân

Bị bắt ngày 16/5/1975 Án phạt TRUỘT

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tăng án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại 185/5B đường 3-2 quận 10 TP Hồ Chí Minh

Nhận xét quá trình cải tạo

Nhận rõ tội lỗi của bản thân, yên tâm cải tạo, luôn tin tưởng vào đường lối giáo dục của Đảng

- Lao động tích cực, chỉ tiêu mức không trong lao động có công liêm, có tác dụng thúc đẩy phạm nhân khác tự giác trong lao động

- Học tập tham gia đời sống nội quy chưa sai phạm
Áp lực cải tạo : không

Lưu tay nguyên trả phải

Có 1 tờ ở

Danh bản số 2982

Đã tại quận pháp

Họ, tên, chữ ký
người được cấp giấy

Ngày 28 tháng 09 năm 1982

Giám thị

Hồ Tăng

Trung tá : Nguyễn Văn Mò

CA P14 Q10.
Chứng nhận Đ/S có liên
hệ đến tài F14 Q10
ngày 14/10/82



Nguyễn Văn Lý

PHIẾU KIỂM SOÁT

- Họ và tên Hồ Tông Du

- ☒ Card ~
- ☒ Thẻ hồ tuc, cảm ơn
- ☒ Giấy ra trại
- ☒ Cấp bằng, huy chương
- ☒ Hồ sơ đầy đủ (Thẻ du hồ sơ)
- ☒ Computer

- Các thủ khác :

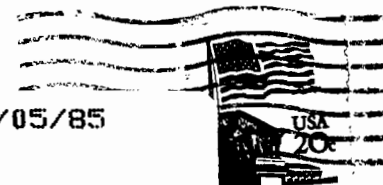
- ☐ Mẫu D
- ☐ ODP list
- ☐ Labels
- ☐ Folder
- ☐ Hồ sơ cần xerox
- ☐ Hồ sơ đã chuyển ODP

ngày _____

Doan T. Tran

FAM 55 230544B1 01/05/85

FAMILIES VN POL PRI
PO BOX 5435
ARLINGTON VA 22205-0635



Families of Vietnamese political prisoners
Associations.